

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 1984

HOÀNG THU NHUNG

Viện KTTV

Nét nổi bật của thời tiết vụ mùa năm 1984 là: bão ít, gió khô nóng hoạt động yếu, độ ẩm cao, mưa nhiều và đặc biệt là cuối vụ ở Trung du, đồng bằng Bắc bộ có mưa lớn đột xuất gây úng ngập nặng ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng lúa mùa và các cây trồng khác.

I – NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU VỀ THỜI TIẾT

1. Bão ít nhưng ảnh hưởng của mưa bão gây tác hại đáng kể đối với sản xuất nông nghiệp.

Trong cả vụ có bốn cơn bão đổ bộ vào lãnh thổ nước ta. Số cơn bão tuy không nhiều nhưng ảnh hưởng của mưa bão gây thiệt hại lớn đối với sản xuất vụ mùa năm 1984.

– Ngày 10/VI bão số 1 đổ bộ vào Quảng Nam – Đà Nẵng, gió mạnh cấp 7, lượng mưa phổ biến 100 – 150mm.

– Ngày 26/VI bão số 2 đổ bộ vào Quảng Ninh, gió mạnh cấp 6 – 7, gây mưa rất to ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Bắc mưa 150 – 200mm. Vùng đồng bằng, Trung du Bắc bộ, Thanh Hóa mưa 80 – 150mm.

– Ngày 12/X bão số 7 đổ bộ vào Phú Khánh, gió mạnh cấp 7, giạt cấp 9, có mưa to và rất to ở Nghệ Tĩnh, Nghĩa Bình, mưa vừa và mưa to ở Thanh Hóa, Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

– Ngày 7/XI bão số 9 đổ bộ vào Nghĩa Bình với sức gió cấp 11 – 12, giạt trên cấp 12, ở Nghĩa Bình, Trung du đồng bằng Bắc bộ có mưa vừa và mưa to, cá biệt ở Hà Nội mưa rất to (bảng 1).

Các cơn bão số 3, số 6, số 8 tuy không đổ bộ trực tiếp vào lãnh thổ nước ta nhưng cũng gây mưa vừa đến mưa to ở vùng núi phía đông Bắc bộ, Quảng Ninh và Nghĩa Bình.

Ngoài ra ảnh hưởng của 3 áp thấp nhiệt đới ngày 21/VI cũng gây mưa to ở Bắc bộ, Thanh Hóa, ngày 31/VII ở Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Tây Nguyên, ngày 27/IX ở Nghĩa Bình.

2. Vòi rồng và lốc xuất hiện ở nhiều nơi.

– Vòi rồng xuất hiện ở Bái Thượng, Thọ Xuân, (Thanh Hóa).

– Lốc xuất hiện ở nhiều nơi: đầu tháng VI ở vùng biển Hải Phòng, ngày 2/VIII ở Hương Sơn, Thạch Hà (Nghệ Tĩnh), đặc biệt ngày 9/XI ở Hà

Nam Ninh, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Quảng Nam — Đà Nẵng gây thiệt hại về người, nhà cửa và hoa màu.

3. Gió mùa đông bắc tràn về sớm nhưng mạnh.

Trong tháng V, VI vẫn còn 5 đợt gió mùa đông bắc tràn về gây ra đông, mưa rào ở đồng bằng Bắc bộ và Khu 4, đây cũng là nguyên nhân mưa nhiều đầu vụ ảnh hưởng đến việc gieo mạ.

Giữa tháng IX gió mùa đông bắc tràn về sớm, nhiệt độ giảm từ 4 — 7°C. Sau đó, các đợt khác tràn về nhưng cường độ không mạnh.

4. Gió khô nóng hoạt động yếu, nhiệt độ ít biến động, cuối vụ trời ấm.

Từ tháng V — IX ở phía tây Bắc bộ và Trung bộ có một số đợt nắng nóng nhưng cường độ nhẹ và không kéo dài (mỗi đợt, 3 — 5 ngày, nhiệt độ tối cao 37 — 39°C). Riêng đợt nắng nóng nửa cuối tháng VII ở bắc Trung bộ kéo dài 7 ngày, nhiệt độ tối cao 38 — 40°C (Thanh Hóa, Quảng Nam — Đà Nẵng).

Phía tây Bắc bộ cả vụ chỉ có 1 đợt nắng nóng xuất hiện vào giữa tháng VI, kéo dài 5 ngày, các nơi khác thuộc Bắc bộ số ngày nắng gay gắt ít.

Trong cả vụ từ tháng V và tháng X nhiệt độ trung bình tháng thấp hơn TBNN (trung bình nhiều năm) 1 — 1,5°C còn các tháng khác xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN khoảng 0,5°C.

Tháng XI trời ấm hơn bình thường, nhiệt độ không khí trung bình tháng ở Bắc bộ và Trung bộ 23,5 — 25°C, vùng núi Bắc bộ và Tây Nguyên 20 — 23°C; Nam bộ 26,5 — 27°C cao hơn TBNN 1 — 2°C (bảng 2).

Nhiệt độ thấp nhất phổ biến ở đồng bằng Bắc bộ và Khu 4: 16 — 17°C.

Tổng nhiệt độ cả vụ 4800 — 5000°C cao hơn TBNN 30 — 80°C và thấp hơn vụ mùa 1983: 50 — 100°C.

5. Mưa nhiều nhưng phân bố không đều, cuối vụ có mưa lớn đột xuất:

Trừ tháng VII ở nhiều nơi có lượng mưa tháng ít hơn TBNN còn các tháng khác đều vượt TBNN. Lượng mưa tháng phổ biến ở Bắc và Trung bộ 100 — 200mm, các tỉnh Nam bộ và Tây Nguyên 250 — 350mm. Trong các tháng VI, IX, X, XI ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới, đồng bằng Bắc bộ và Trung bộ mưa 300 — 650mm/tháng. Đặc biệt tháng X Trung bộ mưa rất to, nhiều nơi vượt TBNN, 200 — 400mm. Đáng chú ý nhất là nhiều trận mưa lớn đột xuất đã xảy ra trong tháng X và XI gây nên nạn úng ngập nặng ở Trung du, đồng bằng Bắc bộ Trung bộ (bảng 3).

Ngày 14/X ở Vinh mưa 330mm, ngày 10/XI ở Hà Nội mưa 390mm. Đây là lượng mưa ngày lớn nhất trong tháng X và XI mà trong vòng 86 năm qua chưa từng thấy.

Tổng lượng mưa cả vụ 1400 — 1800mm, vượt TBNN và vụ trước 100 — 300mm, riêng Nam bộ hụt 50 — 200mm.

6. Nắng nhiều và phân bố tương đối đều. Độ ẩm không khí cao.

Số giờ nắng tháng ở nhiều nơi trên phạm vi cả nước 150 — 200 giờ, riêng tháng VII nắng 200 — 250 giờ. So với TBNN chỉ có tháng X thấp hơn còn các tháng khác đều cao hơn 30 — 60 giờ (bảng 4).

Tổng số giờ nắng, cả vụ 1000 – 1200 giờ cao hơn TBNN: 50 – 100 giờ nhưng so với vụ mùa năm 1983 thì còn thấp hơn 50 – 100 giờ.

Đặc biệt trong vụ này độ ẩm không khí tương đối cao. Nhìn chung độ ẩm trung bình tháng ở nhiều nơi phổ biến 80 – 85%. Tháng VI và tháng VII ảnh hưởng của gió tây khô nóng ở các tỉnh thuộc Trung bộ, độ ẩm trung bình tháng giảm xuống 70 – 75%.

Độ ẩm không khí thấp nhất ở nhiều nơi phổ biến 35 – 40%.

II – ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI TIẾT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Lúa mùa

a) Đầu vụ mưa thất thường gây khó khăn cho việc gieo mạ, làm đất cấy mùa, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của mạ.

Ngay từ cuối tháng V ở miền Bắc nhiều nơi đã có mưa, thuận lợi cho việc cấy vớ. Nhưng do lúa đông xuân thu hoạch muộn hơn bình thường, khoảng 15 – 20 ngày, vì vậy công việc làm mùa cũng bị đẩy lui.

Đầu tháng VI nhiều địa phương đã kịp thời gieo mạ nhưng các trận mưa lớn đã làm úng ngập gần 8 vạn ha mạ, trong đó khoảng 2000 ha bị mất trắng phải gieo lại. Do mưa phân bố không đều nên mạ sinh trưởng chậm, phát triển kém (bảng 5).

Việc làm đất cấy lúa mùa cũng gặp nhiều trở ngại. Trong tháng VI và nửa đầu tháng VII do mưa nhiều, ruộng bị ngập nước. Ngược lại từ 15 – 26/ VII đồng bằng Bắc bộ và bắc Trung bộ nhiều nơi không mưa, thời tiết nắng nóng, lượng bay hơi đồng ruộng lớn, hạn hán đã xảy ra trên diện rộng, một số diện tích chưa cấy bị khô cứng, ruộng đã bừa ngả mất lấm, tiến độ làm đất cấy mùa chậm so với yêu cầu.

Do không cấy được kịp thời nên nhiều nơi đã xảy ra tình trạng mạ chờ ruộng, một số nơi trà mạ sớm đã bị già ống.

Ở các tỉnh miền Nam mưa phân bố tương đối đều nhưng do nước sông Cửu Long dâng cao ảnh hưởng đến tốc độ gieo cấy. Vùng duyên hải miền Trung và đông Nam bộ tiến độ cấy rất chậm.

b) Đồng bằng Bắc bộ và bắc Trung bộ sau cấy lúa gặp hạn, đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lụt. Lúa đẻ nhánh gọn nhưng tỷ suất đẻ nhánh thấp. Sâu bệnh phát triển mạnh.

Vào thời kỳ nửa cuối tháng VII ở Bắc và Trung bộ nhiều ngày liên tục không mưa, hạn hán đã xảy ra trên diện rộng làm cho 32 vạn ha lúa bị hạn trong đó 2 vạn bị chết khô. Những nơi hạn nặng có đến 10 – 15% diện tích lúa bị chết. Tổng số diện tích lúa bị chết do hạn gấp 4 lần so với cùng kỳ vụ trước.

Đồng bằng sông Cửu Long do lũ làm ngập lụt 14 – 15 vạn ha lúa mới cấy trong đó có một số diện tích bị ngập và mất trắng phải gieo cấy lại.

Ở những nơi không bị úng, hạn, lúa phát triển nhanh, sau khi cấy 3 – 4 ngày lúa đã hồi phục, sinh trưởng và ra lá mới, khoảng 15 – 20 ngày sau lúa

để nhánh, xấp xỉ những vụ bình thường. Lúa đẻ gọn, từ khi bắt đầu đến kết thúc chỉ trong vòng 1 tháng (bảng 6).

Đặc biệt vụ này lúa đẻ ít, có thể do cây mạ già. Các tỉnh miền Nam tỷ suất đẻ nhánh trên 300%, các tỉnh miền Bắc dưới 100%.

Thời kỳ lúa đẻ rõ sâu bệnh phát triển mạnh và lây lan nhanh. Chủ yếu là sâu đục thân, sâu gai, sâu cuốn lá bệnh đạo ôn cùng với nhiều loại rầy gây hại trên phạm vi cả nước. Nhiều nơi mật độ sâu đục thân bình quân 50 – 150 con/m², thiệt hại đến 30 – 40% số đánh. So với cùng kỳ vụ trước thì mật độ sâu bệnh và mức độ hại gấp trên 10 lần. Sâu đục thân ảnh hưởng nhiều đến sự sinh trưởng của lúa, làm giảm số bông và số hạt sau này.

c) Ở Bắc và Trung bộ lúa làm đồng thuận lợi hơn khi trời mưa nhiều, trời âm u, nắng ít. Lúa chín bị úng ngập nặng.

Trung tuần tháng VIII lúa đại trà đã bước sang thời kỳ sinh trưởng sinh thực, đồng non đã phát triển. Điều kiện KTNN (khí tượng nông nghiệp) từ thượng tuần tháng VIII – trung tuần tháng IX rất thuận lợi (nhiệt độ trung bình tuần phổ biến 26° – 28°C độ ẩm trung bình 89%, mỗi tuần có mưa 80 – 120mm và 50 – 80 giờ nắng) nên quá trình hình thành các giai đoạn thuận lợi, đồng lớn nhanh và trở sớm. Thời gian từ phân hóa đồng – trở chỉ 30 – 40 ngày, sớm hơn vụ trước khoảng 5 – 10 ngày.

Lúa đại trà trở rõ vào trung tuần tháng X, do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh tràn về kết hợp với bão số 7 gây mưa to gió mạnh làm cho nhiều diện tích bị đổ cây, thui hoa và rụng phần. Nhiệt độ thấp, trời âm u, ít nắng độ ẩm không khí cao là những điều kiện không thuận lợi đối với lúa trong thời kỳ trở bông, phơi màu.

Lúa làm hạt tương đối thuận lợi nhưng khi chín ảnh hưởng của bão số 9, vùng Trung du, đồng bằng Bắc bộ, bắc Trung bộ có mưa to và rất to, úng ngập nặng ở các tỉnh: Thanh Hóa, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Nội, Hải Hưng, Thái Bình, Hà Bắc.. Nhiều diện tích lúa bị úng sâu trong nhiều ngày.

Do úng ngập trên diện rộng, mặc dầu các địa phương đã tích cực chống úng tiêu nước nhưng nước vẫn rút chậm, nhiều nơi sau 10 ngày lúa vẫn còn úng. Khoảng 7 – 8 vạn ha lúa bị mọng, thối và mất trắng; năng suất thu hoạch không đáng kể. Những diện tích gặt sau úng lụt năng suất và sản lượng giảm thấp so với ước tính ban đầu.

Các tỉnh phía Nam thời tiết ít biến động hơn miền Bắc. Thời kỳ lúa trở tuy có hạn và bị phen nhưng ở diện hẹp. Nhìn chung lúa sinh trưởng bình thường, trở bông làm hạt tương đối thuận lợi nên cho năng suất khá. Bước đầu thu hoạch lúa trả sớm ở nhiều nơi đạt trên 30 tạ/ha, năng suất bình quân có khả năng cao hơn miền Bắc.

2. Lúa hè thu

Đầu vụ đã có mưa phân bố đều nên việc gieo cấy lúa hè thu gặp nhiều thuận lợi. Vụ này gieo cấy nhanh và vượt diện tích kế hoạch. Đây cũng là vụ có diện tích gieo cấy lớn kể từ 1975 đến nay.

Sau cấy điều kiện KTNN thuận lợi nên lúa đẻ ít, sâu bệnh hại nhẹ, hạn chỉ xảy ra cục bộ. Thời kỳ lúa chín do mưa to làm úng úng 1,4 vạn ha ở Bình Trị Thiên trong đó 600 ha mất trắng.

Các tỉnh miền Nam do lũ sông Cửu Long làm ngập úng một số diện tích. Ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An có 7,6 vạn ha phải gặt non, năng suất giảm 30 — 40 %, hơn 1 vạn ha bị ngập thối.

Điều kiện KTNN vụ hè thu này nhìn chung thuận lợi, năng suất thu hoạch đạt khá cao. Nhiều nơi ở miền Nam đạt 38 — 40 tạ/ha, vụ này vượt kế hoạch cả diện tích và năng suất. Nếu không bị ảnh hưởng của úng ngập thì chắc chắn năng suất còn cao hơn.

3. Rau màu cây công nghiệp.

Đầu vụ có mưa khá nên việc gieo trồng rau màu cây công nghiệp có nhiều thuận lợi. Tốc độ gieo trồng lạc, bông, đậu, vừng nhanh so với cùng kỳ vụ trước, riêng đỗ tương hè trồng chậm.

Nhưng từ sau khi gieo trồng mưa nhiều (tháng VI), tiếp theo là thời kỳ nắng hạn (cuối tháng VII) làm cho việc trồng ngô, khoai lang gặp nhiều trở ngại, diện tích gieo trồng giảm sút.

Do mưa phân bố không đều, khi thì mưa nhiều, lượng nước trong đất quá dư thừa làm cho rau màu mới gieo bị trôi giạt, tỷ lệ nảy mầm thấp, cây trồng phát triển chậm. Ngược lại có thời kỳ nắng hạn kéo dài cây trồng bị thiếu nước, sinh trưởng không bình thường và cho năng suất không cao.

Vùng Trung du Bắc bộ, vùng núi Tây Bắc và Tây Nguyên nắng nhiều, lượng mưa khá và phân bố tương đối đều nên các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê... phát triển tốt, cho sản lượng cao đặc biệt là chè.

III — THIÊN TAI VÀ MỨC ĐỘ TÁC HẠI

1. Hạn

Vào thời kỳ cấy rộ lúa mùa ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ và bắc Trung bộ đã xảy ra 1 đợt nắng nóng kéo dài. Từ 15 — 26/VII không mưa, hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng làm cho tiến độ sản xuất chậm, các loại cây trồng đều bị hạn; 50% số diện tích chưa cấy lúa bị khô cứng không cấy được, 10 vạn ha ruộng đã bừa ngả bị mất lấm phải chờ nước để cày xới lại, 32 vạn ha lúa đã cấy bị thiếu nước, trong đó 10 vạn ha bị khô nẻ, 2 vạn ha bị chết khô. Một số nơi hạn nặng lúa bị chết khô từ 10—15%. Nhiều nơi mạ không được cấy kịp thời bị quá tuổi, già ống. Tổng diện tích bị hạn gấp 4 lần cùng kỳ vụ trước.

Đợt hạn này phải chi phí tốn nhiều công lao động, vật tư và làm cho thời vụ về cuối trở nên căng thẳng.

2. Úng

Vụ này úng ngập xảy ra liên tiếp nhưng đáng chú ý nhất là vào các thời kỳ sau:

— *Đầu vụ*: Ở các tỉnh phía Bắc trước và sau bão số 2 mưa rất to làm úng ngập 7,8 vạn ha mạ trong đó 2000 ha phải gieo lại. Do bị nước ngập sâu nên việc làm đất cấy lúa mùa sớm bị chậm.

— *Giữa vụ*:

Do lũ sông Cửu Long dâng cao làm úng ngập 14 — 15 vạn ha lúa ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó một số diện tích bị ngập sâu và mất trắng.

Riêng tỉnh Thuận Hải có 4000 ha phải gieo cấy lại. Lúa hè thu cũng bị ngập 7,6 vạn ha phải gặt non năng suất giảm 30 — 40%.

— Cuối vụ :

Cuối tháng IX đầu tháng X Bắc bộ và bắc Trung bộ có mưa to làm úng ngập 10 vạn ha lúa sắp trổ. Tiếp sau đó là thời kỳ lúa đại trà chín ảnh hưởng của bão số 9 mưa rất to, úng ngập đã xảy ra trên diện rộng, 17 vạn ha lúa bị ngập trong đó có 7 — 8 vạn ha ngập sâu thu hoạch không đáng kể.

3. Sâu bệnh.

Sâu bệnh hại nặng từ đầu đến cuối vụ ở cả 2 miền nhưng miền Bắc bị nặng hơn. Trong thời kỳ mạ, sâu đục thân, cuốn lá, sâu gai, bệnh đạo ôn phát triển mạnh, có nơi hại 50 — 70% với mật độ hàng trăm con trong 1m². Thời kỳ lúa chín có thêm sâu năn, sâu cắn gié, và rầy các loại nhưng hại nhiều nhất là sâu đục thân, gây tỷ lệ bông bạc khi trổ 5 — 7%. Diện tích bị sâu bệnh hại ở thời điểm cao nhất là 30 — 40 vạn ha. Về mật độ sâu và tỷ lệ đánh bị hại của vụ này. Theo Bộ Nông nghiệp cho biết gấp 10 lần so với vụ trước, do đó đã làm giảm năng suất và sản lượng lúa trong cả nước.

IV. — KẾT LUẬN

Điều kiện KTNN vụ mùa 1984 nhìn chung không thuận lợi, đã ảnh hưởng không tốt đến sinh trưởng của nhiều loại cây trồng, làm giảm năng suất và sản lượng lúa mùa nhất là ở miền Bắc.

Qua tổng kết điều kiện KTNN vụ mùa 1984 có thể rút ra mấy nguyên nhân làm giảm năng suất lúa:

1. Thời kỳ cấy lúa mùa (tháng VII) đầu tháng úng và hạn vào cuối tháng, mạ đến tuổi cấy phải chờ ruộng. Nhiều nơi cấy, mạ già nên lúa đẻ ít, do đó số lượng bông cũng ít.
2. Lúa đại trà trổ trong điều kiện mưa nhiều, nhiệt độ thấp, trời âm u, thiếu ánh sáng làm cho lúa bị thui hoa, rụng phấn, chất lượng hạt kém, tỷ lệ lép lửng cao, năng suất giảm.
3. Úng lụt xảy ra nhiều đợt nhưng nghiêm trọng nhất là vào thời kỳ lúa chín, thu hoạch bị rơi rụng nhiều, thậm chí úng ngập lâu làm cho lúa mộng và thối.
4. Sâu bệnh hại nặng từ đầu đến cuối vụ; nặng nhất là ở miền Bắc, sâu đục thân gây bông bạc với tỷ lệ 5 — 7%.
5. Các tỉnh miền Nam bị úng lụt do lũ sông Cửu Long làm cho diện tích gieo cấy không đạt kế hoạch. Nhưng từ sau khi cấy điều kiện thời tiết ít biến động, lúa sinh trưởng thuận lợi và cho năng suất cao hơn miền Bắc.

Bảng 1 — Ngày bão đổ bộ và gió mùa đông bắc tràn về trong vụ mùa 1984.

HẠNG MỤC	THÁNG						
	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Ngày bão đổ bộ		10, 26				12	7
Ngày gió mùa đông bắc tràn về	4, 16, 25	1, 16			13, 18	5, 12, 17	19, 24, 29

Bảng 2 -- Nhiệt độ không khí trung bình tháng trong vụ mùa 1984 (°C)

TRẠM	THÁNG											
	VI		VII		II		IX		X		XI	
	T	Số với TBNN	T	Số với TBNN	T	Số với TBNN	T	Số với TBNN	T	Số với TBNN	T	Số với TBNN
Lai Châu		x	262	-02	269	+05	256	-03	x	x	207	+05
Lạng Sơn	270	+04	275	+04	266	+02	249	-01	263	-17	103	+16
Bắc Giang	284	0	291	+01	280	-02	269	-03	231	-14	242	+16
Tuyên Quang	383	+02	258	+03	278	+01	287	+02	231	-07	220	+19
Hà Nội	286	+01	290	0	285	+02	274	+02	236	-11	227	+17
Nam Định	288	+03	295	+03	283	-01	270	-02	234	-13	232	+21
Thanh Hóa	291	+06	295	+05	283	+02	271	+03	237	-08	230	+18
Vinh	297	+06	296	+01	282	-02	267	00	236	-08	219	+07
Đồng Hới	296	+04	300	+05	282	-04	268	+01	245	-02	234	+14
Huế	295	+01	287	-09	279	-11	267	-04	249	-04	x	x
Buôn Mê Thuột	240	-06	242	+02	233	-05	234	-02	227	-04	222	+03
TP Hồ Chí Minh	271	-06	272	-02	273	+01	264	-07	266	-02	266	00
Cần Thơ	265	-04	268	+01	264	-01	263	-03	265	-04	266	-04
Rạch Giá	278	-04	272	-05	278	+03	275	00	270	-03	275	+03

Ghi chú: T: nhiệt độ không khí trung bình.

TBNN: trung bình nhiều năm.

Bảng 3 -- Lượng mưa hàng tháng trong vụ mùa 1984 (mm).

Trạm	Tháng											
	VI		VII		VIII		IX		X		XI	
	R	Số với TBNN	R	Số với TBNN	R	Số với TBNN	R	Số với TBNN	R	Số với TBNN	R	Số với TBNN
Lai Châu	x	x	326	-124	218	-168	237	+97	x	x	16	-34
Lạng Sơn	307	96	174	-78	259	-3	187	+51	65	-19	40	+11
Bắc Giang	374	+144	142	-99	466	+163	181	+05	183	+66	87	+54
Tuyên Quang	498	+252	140	-147	468	+172	208	-10	76	-32	102	+62
Hà Nội	399	+155	107	-153	319	+11	247	-27	146	-8	614	+558
Nam Định	281	+69	160	-66	280	-56	540	+185	180	-22	75	-4
Thanh Hóa	347	+151	168	-11	136	-187	418	-23	243	-18	85	+5
Vinh	146	+25	120	+22	94	-140	537	-55	631	+222	190	+127
Đồng Hới	72	-8	147	+63	46	-117	434	-104	598	-26	392	-40
Huế	152	+22	510	+404	128	+27	253	-237	653	-51	x	x
Buôn Mê Thuột	270	+58	203	-67	397	+85	290	+3	310	+140	162	+1
TP Hồ Chí Minh	147	-158	431	+131	168	-103	346	+36	839	+78	130	+32
Cần Thơ	331	+150	110	-86	290	+76	238	+30	201	+18	79	00
Rạch Giá	530	+270	241	-63	436	+126	169	-123	251	-26	28	-132

Ghi chú: R Lượng mưa tháng

TBNN: trung bình nhiều năm.

Bảng 4 — Tổng số giờ nắng các tháng trong vụ mùa 1984 (giờ).

Trạm	THÁNG											
	VI		VII		VIII		IX		X		XI	
	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN	S	So với TBNN
Lai Châu	X	X	138	+10	184	+34	190	+24	X	X	163	+29
Lạng Sơn	154	-03	226	+38	195	+34	181	0	134	-28	174	+36
Bắc Giang	197	+21	250	+39	217	+33	201	0	179	-18	166	+07
Tuyên Quang	172	+12	239	+39	193	+22	177	+18	118	-20	136	+34
Hà Nội	181	+11	252	+50	196	+24	184	+08	154	-24	145	-04
Nam Định	208	+28	242	+22	168	-06	181	+02	149	-36	141	-08
Thanh Hóa	219	+39	262	+40	184	+16	179	+15	135	-45	120	-17
Vinh	263	+62	275	+41	191	+11	178	+16	138	-12	99	-07
Đồng Hới	223	-02	262	+11	162	-23	217	+9	137	-04	111	+12
Huế	232	-02	252	01	149	-68	209	+29	137	-01		
Buôn Mê Thuột	156	-23	203	+35	92	-64	172	+16	169	-07	222	+52
Cần Thơ	135	-63	202	+13	151	-41	147	-24	164	-41	248	+26
Rạch Giá	130	-47	208	+34	121	-46	145	-20	179	+05	183	-09

Ghi chú: S: tổng số giờ nắng trong tháng
TBNN: trung bình nhiều năm

Bảng 5 — Tình hình sinh trưởng và phát triển của mạ mùa 1984.

TRẠM	Giống lúa	Đợt gieo	Ngày gieo	Kỳ phát triển 3 lá				Kỳ phát triển 5 lá			
				Ngày phát triển	Số ngày từ gieo	Độ cao (cm)	Trạng thái sinh trưởng (cấp)	Ngày phát triển	Số ngày từ 3 lá	Độ cao (cm)	Trạng thái sinh trưởng (cấp)
Bắc Giang	Bao thái lùn	1	11-VI	20-VI	9	10	3	28-VI	8	20	4
		2	21-VI	30-VI	9	8	3	8-	8	15	3
		3	30-VI	10-VII	10	12	4	16-VII	8	17	4
Nam Định	Mộc tuyền	1	7-VI	14-VI	7	9	3	22-VI	8	18	3
		2	12-VI	20-VI	8	11	3	30-VI	10	13	3
		3	13-VI	20-VI	7	9	3	28-VI	8	23	3
Đô Lương	CR203	1	26-VI	8-VII	12	13	4	18-VII	10	23	4
		2	26-VI	14-VII	18	12	4	28-VII	14	24	3
		3	14-VII	26-VII	12	13	4	6-VII	10	23	4
Tuy Hòa	IR-4823	1	13-V	22-V	9	8	4	4-VI	13	17	4
		2	18-V	26-V	8	9	4	8-VI	13	17	3
		3	23-V	4-VI	12	9	4	0-VI	16	17	4
Cần Thơ	MTL-50	1	2-VI	12-VI	10	13	3	20-VI	8	22	3
		2	15-VI	28-VI	13	12	3	4-VII	6	18	3
		3	28-V	6-VI	9	18	4	14-VI	8	20	3

Bảng 6 — tình hình sinh trưởng và phát triển của lúa mùa 1984.

Trạm	Giống lúa	Đợt cấy	Ngày cấy	Ngày bén rễ hồi xanh	Đẻ nhánh			Mọc đồng			Trổ bông — nở hoa			Chín	
					Ngày phát triển	Số ngày từ bên rễ	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ dễ nhánh	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ mọc đồng	Độ cao (cm)	Ngày phát triển	Số ngày từ chắc xanh
Bắc Giang	Bao hai lùn	1	11-VII	10-VII	31-VII	15	35	26-VIII	26	53	14-X	48	60		
		2	27-VII	31-VII	18-VIII	17	46	6-IX	19	56	14-X	38	64		
		3	4-VIII	7-VIII	8-VIII	16	45	10-IX	17	61	14-X	34	62		
Nem Đĩnh	Mộc tuyền	1	18-VIII	20-VII	8-VIII	19	46	28-VIII	20	71	8-X	41	93	4-XI	11
		2	22-VIII	24-VII	12-VIII	19	48	26-VIII	14	71	8-X	43	88	4-XI	11
		3	22-VIII	24-VII	8-VIII	15	43	26-VIII	18	67	6-X	43	90	4-XI	11
Đo Lương	CR203	1	18-VII	20-VII	10-VIII	21	37	20-VIII	10	50	20-IX	31	34	12-X	12
		2	29-VII	2-VIII	18-VIII	16	37	26-VIII	8	43	28-IX	33	30	20-X	10
		3	7-VIII	10-VIII	26-VIII	18	34	8-IX	13	48	8-X	20	34	31-X	11
Tuy Hòa	IR-4823	1			2-VI	X	15	6-VIII	34	38	24-VII	18	23	12-VIII	2
		2			6-VI	X	20	12-VII	36	43	31-VII	19	26	22-VIII	6
		3			20-VI	X	17	18-VII	28	41	6-VIII	19	27	26-VIII	4
Cần Thơ	MIL-50	1	6-V	10-V	20-V	10	34	6-VI	17	65	8-VII	32	58	14-VIII	25
		2	2-V	24-V	8-VI	15	33	26-VI	18	51	28-VII	32	55	4-IX	25
		3	16-VI	20-VI	30-VI	10	33	19-VII	18	49	20-VIII	33	56	22-IX	22